

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2022  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nga
2. Bà Đào Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 623/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 495/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 465/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Yến E, sinh năm 1985; địa chỉ: số 90 tổ 04, ấp Bình Trung, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh D, sinh năm 1978; địa chỉ: số 659, tổ 25, ấp Trung, xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Yến E trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh D được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003, đến năm 2005 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, anh D không lo làm ăn chỉ biết ăn chơi, chị có khuyên nhưng anh D không sửa đổi, vợ chồng

không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh D .

Về con chung: Trong thời gian sinh sống vợ chồng có 02 con chung Võ Phước Đ, sinh năm 1998 (hiện nay đã thành niên), Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005 hiện nay đang sống chung với chị Yến E, khi ly hôn chị Yến E yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung chị Yến E và anh D tạo lập được một số tài sản:

Quyền sử dụng diện tích đất 1.587m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 1352 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 137953 do anh Võ Thanh D, chị Trần Thị Yến E đứng tên. Khi ly hôn chị Yến E yêu cầu được chia đôi diện tích đất trên, cho chị được nhận giá trị tài sản.

Trên phần đất hiện tại được trồng 160 gốc xoài được hơn 08 năm tuổi, ước lượng mỗi gốc xoài là 100.000 đồng/gốc x 160 gốc = 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Khi ly hôn chị yêu cầu được hưởng  $\frac{1}{2}$  số tiền trên.

Tất cả các tài sản trên hiện nay anh D đang quản lý và sử dụng.

*Tại tờ tự khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Võ Thanh D trình bày:* Anh Thống nhất lời trình bày của chị Yến E về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn thì trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng hay cự cãi, nhưng sau đó cũng sống chung lại. Nay chị Yến E xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung Võ Phước Đ, sinh năm 1998 (hiện nay đã thành niên), Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005 hiện nay đang sống chung với chị Yến E, khi ly hôn nếu cháu H muốn sống với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung anh D và chị Yến E tạo lập được một số tài sản:

Quyền sử dụng diện tích đất 1.587m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 1352 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 137953 do anh Võ Thanh D, chị Trần Thị Yến E đứng tên.

Trên phần đất hiện tại được trồng 160 gốc xoài được hơn 08 năm tuổi, ước lượng mỗi gốc xoài là 100.000 đồng/gốc x 160 gốc = 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Khi ly hôn chị Yến E yêu cầu được chia đôi diện tích đất trên và yêu cầu được nhận giá trị thì anh không đồng ý, vì anh không có tiền, nếu chia phần ai thì người đó hưởng.

Tất cả các tài sản trên hiện nay anh D đang quản lý và sử dụng.

Vì anh bận đi làm xa, cho anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử, anh không khiếu nại gì về sau.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 05.10.2005 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang cấp; Giấy khai sinh của Võ Thị Mỹ H, Võ Phước Đ (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị Yến E không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến E tự tìm hiểu quen biết, rồi tiến đến hôn nhân với anh Võ Thanh D, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp vào ngày 05/10/2005, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống H phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không thể hàn gắn H phúc và ly thân đến nay. Nay yêu cầu ly hôn với anh D.

Xét thấy, chị Yến E xác định mâu thuẫn với anh D từ đầu năm 2021 đến nay, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi và đã ly thân. Mặt khác, anh D đồng ý ly hôn với chị Yến E. Từ đó cho thấy không thể hàn gắn H phúc vợ chồng giữa chị Yến E và anh D, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Yến E đối với anh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Phước Đ, sinh ngày 08/9/1998 và Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005. Hiện cháu Đ đã thành niên; còn cháu H sống với chị Yến E. Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu H. Rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị Yến E và anh D ly thân đến nay, cháu H vẫn sống với chị Yến E ổn định về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng sống với chị Yến E và anh D cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu H. Để ổn định cuộc sống của cháu H nghĩ nên để chị Yến E tiếp tục chăm sóc, nuôi

đưỡng. Do phía chị Yến E không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Yêu cầu được chia đôi diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01468iB ngày 04/8/2009, thửa số 1352, tờ bản đồ số 2 tại xã Mỹ Hiệp, huyện CM do UBND huyện CM cấp cho anh Võ Thanh D, diện tích 1.587m<sup>2</sup> và 113 gốc xoài trên đất.

Phía anh D thống nhất tài sản chung là quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số H01468iB ngày 04/8/2009, thửa số 1352, tờ bản đồ số 2 tại xã Mỹ Hiệp, huyện CM do UBND huyện CM cấp cho anh Võ Thanh D và 113 gốc xoài trên đất và kết quả định giá. Đồng ý chia đôi diện tích đất và số cây xoài trên đất với chị Yến E, không đồng ý chia theo giá trị định giá.

Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số H01468iB ngày 04/8/2009, thửa số 1352, tờ bản đồ số 2 tại xã Mỹ Hiệp, huyện CM do UBND huyện CM cấp cho anh Võ Thanh D và 113 gốc xoài trên đất là tài sản của vợ, chồng tạo lập nên và hiện do anh D quản lý, sử dụng. Do đó, anh D có nghĩa vụ phải hoàn lại  $\frac{1}{2}$  giá trị theo định giá, cụ thể theo biên bản định giá tài sản, đất có giá 30.000 đồng/m<sup>2</sup> x 1.587m<sup>2</sup> = 47.610.000 đồng, 113 cây xoài trên đất có giá 1.455.000 đồng/cây tương đương 164.415.000 đồng.

Như vậy, tổng tài sản chung của vợ chồng là 212.025.000 đồng. Hiện nay, tài sản do anh D quản lý, sử dụng nên cần buộc anh D chia tài sản chung cho chị Yến E với tổng số tiền 106.012.500 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Căn cứ Điều 56, 58, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Yến E và anh Võ Thanh D.

- Chị Trần Thị Yến E được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005. Anh Võ Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Võ Thanh D được quyền quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01468iB ngày 04/8/2009, thửa số 1352, tờ bản đồ số 2 tại xã Mỹ Hiệp, huyện CM do UBND huyện CM cấp cho anh Võ Thanh D và 113 gốc xoài trên đất.

- Anh Võ Thanh D có nghĩa vụ phải hoàn lại  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung cho chị Trần Thị Yến E là 106.012.500 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị Yến E.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Yến E khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh D. Anh D có nơi cư trú ấp Trung, xã Mỹ Hiệp, huyện CM. Xét đây là tranh chấp về hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Võ Thanh D có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Yến E và anh Võ Thanh D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Yến E và anh D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị Yến E và anh D thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh D không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh D vẫn không sửa đổi và không còn sống chung khoảng 02 năm. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không tình cảm. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Yến E và D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Yến E đối với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Yến E xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Võ Phước Đ, sinh năm 1998 (hiện nay đã thành niên), Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005, hiện nay cháu H sống chung với chị Yến E, khi ly hôn chị Yến E được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu H sống với chị Yến E, cháu H vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu H thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị Yến E. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu H cho chị Yến E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên Tòa chị Yến E xin rút lại cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của chị Yến E. Anh D cũng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung chị Yến E và anh D tạo lập được một số tài sản:

Quyền sử dụng diện tích đất  $1.587\text{m}^2$  thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 1352 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 137953 do anh Võ Thanh D, chị Trần Thị Yến E đứng tên

Qua đo đạc, xE xét thẩm định tại chỗ thì hiện tại trên phần đất trồng 113 gốc xoài được hơn 08 năm tuổi.

Khi ly hôn chị Yến E yêu cầu chia đôi số tài sản trên và yêu cầu nhận giá trị.

Tại biên bản xE xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá ngày 26 tháng 7 năm 2022 đã được Hội đồng định giá như sau:

Căn cứ Quyết định số 70/2019/QĐ – UBND tỉnh An Giang ngày 23/12/2019 ban hành bản giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 -2024 được Hội đồng định giá như sau:

Quyền sử dụng diện tích đất  $1.587\text{m}^2$  thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 1352 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 137953 do anh Võ Thanh D, chị Trần Thị Yến E là loại đất lúa (2L) ở vị trí còn lại có giá  $30.000 \text{ đồng/m}^2$ :  $1.587 \text{ m}^2 \times 30.000 \text{ đồng} = 47.610.000 \text{ đồng}$ .

Căn cứ Quyết định số 80/2018/QĐ – UBND tỉnh An Giang ngày 04/04/2018 ban hành quy định về mức bồi thường cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang được Hội đồng định giá như sau:

Trên phần đất hiện tại qua xE xét, thẩm định tại chỗ thì được trồng 113 gốc xoài được hơn 08 năm tuổi có giá 1.455.000 đồng/cây.

Vì vậy giá trị như sau:  $113 \text{ gốc xoài} \times 1.455.000 \text{ đồng/cây} = 164.415.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy tổng số tiền giá trị tài sản của chị Yến E và Anh Thanh D được Hội đồng định giá là  $47.610.000 \text{ đồng} + 164.415.000 \text{ đồng} = 212.025.000 \text{ đồng}$  (hai trăm mười hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Để đảm bảo công sức của vợ chồng đóng góp vào số tài sản mà vợ chồng tạo lập, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần chia đôi số tài sản trên cho vợ chồng là phù hợp với Điều 38 luật hôn nhân năm 2014 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, số tài sản chị Yến E được hưởng là 106.012.500 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Anh Võ Thanh D được hưởng là 106.012.500 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Để đảm bảo tiếp tục cho người đang trực tiếp canh tác, quản lý và sử dụng tài sản chung của vợ chồng, hiện tại anh D là người trực tiếp đang canh tác, quản lý và sử dụng. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc anh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Yến E giá trị tài sản trên số tiền 106.012.500 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3.4] Về nợ chung: Chị Yến E xác định không yêu cầu Tòa án xE xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chị Trần Thị Yến E đã nộp tạm ứng nộp chi phí xE xét, thẩm định tại chỗ, định giá với số tiền 1.000.000 đồng và chi phí đo đạc với số tiền 1.500.000.000 đồng, tổng cộng 2.500.000 đồng. Tại phiên Tòa chị Yến E tự nguyện chịu tòa bộ chi phí này. Vì vậy anh Thanh D không phải chịu chi phí xE xét, thẩm định tại chỗ, định giá.

[5] Về án phí hôn nhân: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Yến E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Võ Thanh D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Yến E, anh Thanh D phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 33, 38, 56, 58 61, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến E.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến E được ly hôn với anh Võ Thanh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 05.10.2005 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Yến E và anh Võ Thanh D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị Yến E được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 06/6/2005. Anh Võ Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Yến E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Thanh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị Yến E.

3. Về tài sản chung: Anh Võ Thanh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Trần Thị Yến E giá trị tài sản chung của vợ chồng trên số tiền 106.012.500 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) là tài sản chung của vợ chồng.

Anh Trần Thanh D được hưởng giá trị tài sản chung của vợ chồng trên số tiền 106.012.500 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Anh Trần Thanh D được quyền trực tiếp quản lý và sử dụng số tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng diện tích đất 1.587m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 2, thửa số 1352 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 137953 do anh Võ Thanh D, chị Trần Thị Yến E đứng tên và 113 cây xoài có trên đất.

Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa chị Trần Thị Yến E với anh Võ Thanh D do Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới đo vẽ ngày 26/7/2020 là một phần của bản án, không thể tách rời.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Yến E xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Ghi nhận chị Trần Thị Yến E xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Yến E, anh D trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Trần Thị Yến E tự nguyện chịu chi phí xét, thẩm định tại chỗ, định giá với số tiền 1.000.000 đồng và chi phí đo đạc với số tiền 1.500.000.000 đồng, tổng cộng 2.500.000 đồng. Chi phí này chị Trần Thị Yến E đã nộp đủ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Yến E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí chia tài sản chung của vợ chồng là 5.300.625 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số



0004665 ngày 24 tháng 5 năm 2022 và tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005528 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 9 năm 2022; Chị Trần Thị Yến E phải nộp thêm 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Anh Võ Thanh D phải chịu án phí chia sản chung của vợ chồng là 5.300.625 đồng (*năm triệu ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Yến E có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Võ Thanh D được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện CM (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện CM (1);
- UBND xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**